



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000001	0021412006	Đinh Thúy An	Nữ	18/4/2003	Đồng Tháp	07h00'				P.501-C1
2	000002	0021411104	Huỳnh Lê Phước An	Nam	27/5/2003	Đồng Tháp	07h00'				P.501-C1
3	000003	0021411105	Lê Nhật Hoài An	Nam	28/4/2003	Tiền Giang	07h10'				P.501-C1
4	000004	0021411106	Lê Thị Thuý An	Nữ	15/11/2003	Tiền Giang	07h10'				P.501-C1
5	000005	0021412009	Ngô Trường An	Nam	02/02/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.501-C1
6	000006	0021411110	Nguyễn Quốc An	Nam	04/12/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.501-C1
7	000007	0020411163	Võ Trường An	Nam	25/5/2002	Đồng Tháp	07h30'				P.501-C1
8	000008	0021411116	Trần Thị Hồng Ân	Nữ	13/10/2003	An Giang	07h30'				P.501-C1
9	000009	0021412027	Đặng Nguyễn Văn Anh	Nữ	16/9/2003	Long An	07h40'				P.501-C1
10	000010	0021411118	Dương Tuyết Anh	Nữ	15/4/2003	Đồng Tháp	07h40'				P.501-C1
11	000011	0021410024	Huỳnh Thị Minh Anh	Nữ	07/9/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.501-C1
12	000012	0021410029	Ngô Thị Trúc Anh	Nữ	07/9/2003	Đồng Tháp	07h50'	Phòng chờ: 408-C1			P.501-C1
13	000013	0021412048	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Nữ	04/02/2003	Long An	08h00'				P.501-C1
14	000014	0021412056	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	15/01/2003	Đồng Tháp	08h00'				P.501-C1
15	000015	0021412060	Nguyễn Võ Lan Anh	Nữ	25/4/2003	Tiền Giang	08h10'				P.501-C1
16	000016	0021411132	Phạm Thị Kim Anh	Nữ	01/10/2003	Đồng Tháp	08h10'				P.501-C1
17	000017	0021412073	Trần Tuấn Anh	Nam	16/6/2003	Thanh Hóa	08h20'				P.501-C1
18	000018	0021413694	Tô Hữu Bằng	Nam	09/02/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.501-C1
19	000019	0019410746	Nguyễn Thị Phượng Bào	Nữ	26/7/2001	Đồng Tháp	08h30'				P.501-C1
20	000020	0020410240	Ngô Nhật Hoài Bào	Nam	12/11/2002	Đồng Tháp	08h30'				P.501-C1
21	000021	0021412098	Nguyễn Công Bình	Nam	24/01/2003	Tiền Giang	08h40'				P.501-C1
22	000022	0021412099	Nguyễn Như Bình	Nữ	22/4/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.501-C1
23	000023	0021412107	Võ Nguyễn Gia Bình	Nữ	30/10/2002	Đồng Tháp	08h50'				P.501-C1
24	000024	0020411290	Châu Long Các	Nam	27/10/2001	Cà Mau	08h50'				P.501-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000025	0020410181	Lê Ngọc	Châm	Nữ	10/9/2002	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 408-C1	P.502-C1		
2	000026	0019410428	Lê Thị Ngọc	Chăm	Nữ	04/9/2001	Đồng Tháp	07h00'		P.502-C1		
3	000027	0020410816	Phạm Bảo	Châu	Nữ	23/8/2002	Đồng Tháp	07h10'		P.502-C1		
4	000028	0021410072	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	16/4/2003	Tiền Giang	07h10'		P.502-C1		
5	000029	0020410675	Phan Thị Mỹ	Chi	Nữ	09/10/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.502-C1		
6	000030	0021410074	Tôn Thị	Chi	Nữ	24/12/2003	Đồng Tháp	07h20'		P.502-C1		
7	000031	0021411169	Trần Minh	Cường	Nam	20/02/2001	Long An	07h30'		P.502-C1		
8	000032	0020410001	Nguyễn Thị Trang	Đài	Nữ	17/4/2002	Đồng Tháp	07h30'		P.502-C1		
9	000033	0021410081	Nguyễn Thị Diễm	Dân	Nữ	09/4/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.502-C1		
10	000034	0021411170	Nguyễn Thị Thuý	Dân	Nữ	28/5/2002	Đồng Tháp	07h40'		P.502-C1		
11	000035	0021412147	Lê Thị Kim	Đan	Nữ	01/8/2003	Bến Tre	07h50'		P.502-C1		
12	000036	0021411174	Nguyễn Thành	Danh	Nam	22/3/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.502-C1		
13	000037	0021411179	Nguyễn Hồng	Đào	Nữ	23/8/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.502-C1		
14	000038	0021411180	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	08/4/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.502-C1		
15	000039	0021411181	Lê Văn	Đạo	Nam	07/02/2003	An Giang	08h10'		P.502-C1		
16	000040	0021411182	Cao Thành	Đạt	Nam	30/12/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.502-C1		
17	000041	0021410098	Nguyễn Hoàng	Đạt	Nam	06/9/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.502-C1		
18	000042	0021411186	Tô Tấn	Đạt	Nam	28/5/2003	Bến Tre	08h20'		P.502-C1		
19	000043	0021411188	Võ Minh	Đầy	Nam	16/3/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.502-C1		
20	000044	0021410101	Bùi Thị	Đẹp	Nữ	24/3/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.502-C1		
21	000045	0021411199	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	29/5/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.502-C1		
22	000046	0020411066	Trần Ngọc	Diệp	Nữ	21/01/2002	Đồng Tháp	08h40'		P.502-C1		
23	000047	0021412190	Trương Thị Huỳnh	Diệp	Nữ	08/6/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.502-C1		
24	000048	0021413809	Dương Thị	Diệu	Nữ	01/7/2002	Bạc Liêu	08h50'		P.502-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000049	0020410557	Nguyễn Thị Hồng Diệu	Nữ	02/7/2002	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 408-C1	P.503-C1		
2	000050	0021412208	Bùi Đặng Dư	Nam	13/11/2003	Đồng Tháp	07h00'		P.503-C1		
3	000051	0021410121	Nguyễn Hồng Xuân Đức	Nam	25/02/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.503-C1		
4	000052	0020410363	Võ Hữu Đức	Nam	08/02/2001	Đồng Tháp	07h10'		P.503-C1		
5	000053	0021411220	Lê Hữu Đung	Nam	19/01/2003	Đồng Tháp	07h20'		P.503-C1		
6	000054	0020410260	Nguyễn Thành Được	Nam	03/02/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.503-C1		
7	000055	0021412225	Huỳnh Hải Dương	Nam	20/8/2002	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
8	000056	0021412233	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	29/12/2003	Đồng Tháp	07h30'		P.503-C1		
9	000057	0021310004	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	10/4/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.503-C1		
10	000058	0021412238	Trần Hoài Yến Dương	Nữ	19/10/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.503-C1		
11	000059	0020410173	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	02/3/2001	Đồng Tháp	07h50'		P.503-C1		
12	000060	0021410138	Đặng Nhật Duy	Nam	08/11/2003	Trà Vinh	07h50'		P.503-C1		
13	000061	0021411231	Huỳnh Đức Duy	Nam	07/10/2003	Tiền Giang	08h00'		P.503-C1		
14	000062	0020410844	Huỳnh Tú Duy	Nam	05/12/1999	Bến Tre	08h00'		P.503-C1		
15	000063	0021413706	Lê Thị Khánh Duy	Nữ	03/5/2003	Vĩnh Long	08h10'		P.503-C1		
16	000064	0017410555	Ngô Nhật Duy	Nam	22/10/1999	Đồng Tháp	08h10'		P.503-C1		
17	000065	0020410223	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	26/10/2002	Đồng Tháp	08h20'		P.503-C1		
18	000066	0021410147	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	20/3/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.503-C1		
19	000067	0020410349	Nguyễn Huỳnh Duy	Nam	15/11/2002	Đồng Tháp	08h30'		P.503-C1		
20	000068	0021411235	Nguyễn Phúc Duy	Nam	15/3/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.503-C1		
21	000069	341895901	Nguyễn Quốc Duy	Nam	21/10/1995	Đồng Tháp	08h40'		P.503-C1		
22	000070	0021412262	Nguyễn Thúy Duy	Nữ	28/7/2003	Đồng Tháp	08h40'		P.503-C1		
23	000071	0021410153	Trần Huỳnh Thuý Duy	Nữ	21/01/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.503-C1		
24	000072	0021412270	Trần Văn Duy	Nam	11/3/1998	Tiền Giang	08h50'		P.503-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000073	0020410795	Võ Thanh Duy	Nam	13/01/2002	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 304-C1			P.504-C1
2	000074	0021410162	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	11/3/2003	Đồng Tháp	07h00'				P.504-C1
3	000075	0021413710	Trần Tuấn Em	Nam	09/7/2002	Cà Mau	07h10'				P.504-C1
4	000076	0021412287	Dương Thị Hồng Gấm	Nữ	22/6/2003	Đồng Tháp	07h10'				P.504-C1
5	000077	0020410935	Trần Thị Hồng Gấm	Nữ	01/12/2002	Đồng Tháp	07h20'				P.504-C1
6	000078	0020411183	Lê Võ Trường Giang	Nam	24/3/2002	Đồng Tháp	07h20'				P.504-C1
7	000079	0021310007	Nguyễn Thị Cẩm Giang	Nữ	22/12/2003	Đồng Tháp	07h30'				P.504-C1
8	000080	0021410188	Nguyễn Thị Ngọc Giang	Nữ	07/8/2001	Đồng Tháp	07h30'				P.504-C1
9	000081	0021412304	Đỗ Đông Hà	Nữ	02/3/2003	Cà Mau	07h40'				P.504-C1
10	000082	0018412596	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	26/6/2000	Đồng Tháp	07h40'				P.504-C1
11	000083	0021410195	Phạm Chí Hải	Nam	07/5/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.504-C1
12	000084	0021410200	Đào Ngọc Hân	Nữ	12/6/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.504-C1
13	000085	0020410485	Hồ Ngọc Bảo Hân	Nữ	04/02/2002	Đồng Tháp	08h00'				P.504-C1
14	000086	0021412330	Nguyễn Cao Mỹ Hân	Nữ	21/12/2003	Tây Ninh	08h00'				P.504-C1
15	000087	0020410101	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	26/10/2002	Đồng Tháp	08h10'				P.504-C1
16	000088	0021410223	Lê Thị Đức Hạnh	Nữ	01/4/2003	Long An	08h10'				P.504-C1
17	000089	0021410227	Hồng Thanh Hào	Nam	03/02/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.504-C1
18	000090	0021411296	Nguyễn Ngọc Hiền	Nữ	24/3/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.504-C1
19	000091	0020410548	Trương Hoàng Hiếu	Nam	06/11/2002	Cà Mau	08h30'				P.504-C1
20	000092	0021412389	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Nữ	20/10/2003	Bến Tre	08h30'				P.504-C1
21	000093	0021412397	Nguyễn Phước Hoài	Nam	15/8/2002	Đồng Tháp	08h40'				P.504-C1
22	000094	0021410251	Phạm Huy Hoàng	Nam	31/10/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.504-C1
23	000095	0021413818	Võ Hồng Huệ	Nữ	12/7/2003	Vĩnh Long	08h50'				P.504-C1
24	000096	0021413888	Lê Chí Hùng	Nam	21/10/2003	TP HCM	08h50'				P.504-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
							Giờ thi	Địa điểm			
1	000097	0021412410	Đỗ Tài Nguyễn Hưng	Nam	17/01/2001	TP HCM	07h00'				P.505-C1
2	000098	0021410267	Huỳnh Thị Huỳnh Hương	Nữ	18/02/2001	Đồng Tháp	07h00'				P.505-C1
3	000099	0020410289	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	01/9/2002	Cà Mau	07h10'				P.505-C1
4	000100	0021412425	Đặng Quốc Huy	Nam	08/9/2003	Tiền Giang	07h10'				P.505-C1
5	000101	0021412426	Đặng Thành Huy	Nam	12/7/2003	Đồng Tháp	07h20'				P.505-C1
6	000102	0019410523	Lý Đăng Huy	Nam	17/02/2001	Đồng Tháp	07h20'				P.505-C1
7	000103	0021411331	Nguyễn Thành Huy	Nam	23/11/2003	An Giang	07h30'				P.505-C1
8	000104	0021410290	Lê Ngọc Huyền	Nữ	22/3/2003	Đồng Tháp	07h30'				P.505-C1
9	000105	0020410843	Lê Thị Mỹ Huyền	Nữ	03/6/2002	Đồng Tháp	07h40'				P.505-C1
10	000106	0019410343	Phan Thị Ngọc Huyền	Nữ	19/3/2001	An Giang	07h40'				P.505-C1
11	000107	0021411344	Bùi Thị Cẩm Huỳnh	Nữ	05/02/2003	Đồng Tháp	07h50'				P.505-C1
12	000108	0020411056	Nguyễn Thị Thuý Huỳnh	Nữ	12/8/2002	Đồng Tháp	07h50'				P.505-C1
13	000109	0021411358	Lê Nguyên Khang	Nam	02/12/2003	Đồng Tháp	08h00'				P.505-C1
14	000110	0019410402	Nguyễn Chí Khang	Nam	25/6/2001	Đồng Tháp	08h00'				P.505-C1
15	000111	0021411371	Lê Thị Gia Khánh	Nữ	19/10/2003	Đồng Tháp	08h10'				P.505-C1
16	000112	0021410323	Cao Phan Anh Khoa	Nữ	24/12/2002	Đồng Tháp	08h10'				P.505-C1
17	000113	0021410324	Đinh Đăng Khoa	Nam	07/12/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.505-C1
18	000114	0021412504	Huỳnh Anh Khoa	Nam	11/02/2003	Đồng Tháp	08h20'				P.505-C1
19	000115	0021412509	Lê Hữu Khoa	Nam	20/8/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.505-C1
20	000116	0021412515	Nguyễn Thị Hồng Khoa	Nữ	22/01/2003	Đồng Tháp	08h30'				P.505-C1
21	000117	0021412518	Phan Đăng Khoa	Nam	18/11/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.505-C1
22	000118	0021410332	Trần Đăng Khoa	Nam	24/6/2003	Đồng Tháp	08h40'				P.505-C1
23	000119	0020410931	Trần Đăng Khoa	Nam	26/8/2001	Đồng Tháp	08h50'				P.505-C1
24	000120	0021411386	Nguyễn Võ Duy Khương	Nam	19/02/2003	Đồng Tháp	08h50'				P.505-C1

Phòng
chờ:
304-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
								Giờ thi	Địa điểm			
1	000121	0021410341	Đặng Quốc Kiệt		Nam	05/02/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 308-C1	P.506-C1		
2	000122	0021410347	Nguyễn Tuấn Kiệt		Nam	03/8/2003	Đồng Tháp	07h00'		P.506-C1		
3	000123	0021410348	Phan Anh Kiệt		Nam	20/6/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.506-C1		
4	000124	0021412542	Lê Thị Diễm Kiều		Nữ	05/4/2003	Bến Tre	07h10'		P.506-C1		
5	000125	0021310016	Lý Thanh Kiều		Nữ	13/12/2003	Đồng Tháp	07h20'		P.506-C1		
6	000126	0021412544	Nguyễn Thị Mộng Kiều		Nữ	04/8/2003	Long An	07h20'		P.506-C1		
7	000127	0021412546	Nguyễn Thị Thúy Kiều		Nữ	23/8/2003	Đồng Tháp	07h30'		P.506-C1		
8	000128	0021412548	Đặng Châu Ngọc Kim		Nữ	25/10/2003	Tiền Giang	07h30'		P.506-C1		
9	000129	0021411402	Châu Khánh Lâm		Nam	06/01/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.506-C1		
10	000130	0021410358	Nguyễn Thanh Lâm		Nam	11/9/2003	Đồng Tháp	07h40'		P.506-C1		
11	000131	0021410371	Lê Thị Thuý Linh		Nữ	30/4/2002	Đồng Tháp	07h50'		P.506-C1		
12	000132	0020411254	Lương Hồng Gia Linh		Nữ	30/8/2002	Cần Thơ	07h50'		P.506-C1		
13	000133	0020411286	Nguyễn Ngọc Yến Linh		Nữ	14/11/2002	Đồng Tháp	08h00'		P.506-C1		
14	000134	0021410374	Nguyễn Nhật Linh		Nữ	21/02/2003	Đồng Tháp	08h00'		P.506-C1		
15	000135	0021410376	Nguyễn Thị Thảo Linh		Nữ	24/11/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.506-C1		
16	000136	0021412588	Nguyễn Thị Trúc Linh		Nữ	19/7/2003	Đồng Tháp	08h10'		P.506-C1		
17	000137	0021410381	Nguyễn Thị Yến Linh		Nữ	18/5/2003	Tiền Giang	08h20'		P.506-C1		
18	000138	0021410383	Phạm Thị Yến Linh		Nữ	20/11/2003	Đồng Tháp	08h20'		P.506-C1		
19	000139	0021411425	Trần Thị Yến Linh		Nữ	19/7/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.506-C1		
20	000140	0021410393	Lê Thị Hồng Loan		Nữ	02/4/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.506-C1		
21	000141	0021411434	Nguyễn Thành Lợi		Nam	19/5/2001	Đồng Tháp	08h40'		P.506-C1		
22	000142	0021412616	Đặng Phước Long		Nam	27/11/2003	Đồng Tháp	08h40'		P.506-C1		
23	000143	0021411437	Huỳnh Ngọc Luân		Nam	23/02/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.506-C1		
24	000144	0015411148	Nguyễn Thảo Ly		Nữ	24/7/1996	Cà Mau	08h50'		P.506-C1		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1			
							Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'
							Giờ thi	Địa điểm		
1	000145	0020410100	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	10/12/2002	Long An	07h00'			P.507-C1
2	000146	0020410360	Nguyễn Thị Kiều Mai	Nữ	13/5/2002	Đồng Tháp	07h00'			P.507-C1
3	000147	0015410890	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	10/01/1997	Long An	07h10'			P.507-C1
4	000148	0020410258	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	24/8/2002	Đồng Tháp	07h10'			P.507-C1
5	000149	0021412650	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	04/4/2003	Đồng Tháp	07h20'			P.507-C1
6	000150	0021411453	Nguyễn Trần Minh Phụng Ngọc Mai	Nữ	14/11/2003	Long An	07h20'			P.507-C1
7	000151	0021411461	Lương Ngọc Minh Mẫn	Nữ	22/11/2003	Đồng Tháp	07h30'			P.507-C1
8	000152	0020411087	Nguyễn Thị Mẫn	Nữ	05/11/2002	Bến Tre	07h30'			P.507-C1
9	000153	0017410161	Lại Thị Bé Mảo	Nữ	21/8/1999	Đồng Tháp	07h40'			P.507-C1
10	000154	0021412668	Phạm Thị Tuyết Mi	Nữ	09/11/2003	Bạc Liêu	07h40'			P.507-C1
11	000155	0021411468	Võ Thị Hiền Mụi	Nữ	27/12/2002	Tiền Giang	07h50'			P.507-C1
12	000156	0020410699	Huỳnh Ngọc Tiểu My	Nữ	29/4/2002	Đồng Tháp	07h50'			P.507-C1
13	000157	0021410433	Nguyễn Dương Kiều My	Nữ	09/6/2003	Đồng Tháp	08h00'			P.507-C1
14	000158	0021412684	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	13/9/2003	Đồng Tháp	08h00'	Phòng chờ: 308-C1		P.507-C1
15	000159	0021413729	Lâm Hoàng Mỹ	Nữ	23/10/2003	Kiên Giang	08h10'			P.507-C1
16	000160	0021410446	Lê Hoàng Thiện Mỹ	Nam	23/7/2003	Đồng Tháp	08h10'			P.507-C1
17	000161	0020410521	Lê Ngọc Thiên Kim Hoàng Mỹ	Nữ	13/7/2002	TP HCM	08h20'			P.507-C1
18	000162	0021410450	Trần Nguyễn Huy Thuỷ My	Nữ	18/4/2003	Long An	08h20'			P.507-C1
19	000163	0019410161	Bùi Duy Nam	Nam	12/2/2000	Đồng Tháp	08h30'			P.507-C1
20	000164	0021410452	Đặng Hoàng Nam	Nam	11/5/2003	Đồng Tháp	08h30'			P.507-C1
21	000165	0021310094	Bùi Thị Kim Ngà	Nữ	20/02/2003	Đồng Tháp	08h40'			P.507-C1
22	000166	0021411483	Bùi Thị Thảo Ngân	Nữ	15/11/2000	Đồng Tháp	08h40'			P.507-C1
23	000167	0021413832	Huỳnh Thị Thảo Ngân	Nữ	25/6/2003	Bến Tre	08h50'			P.507-C1
24	000168	0020410574	Lê Đặng Thu Ngân	Nữ	20/02/2002	Đồng Tháp	08h50'			P.507-C1
25	000169	0021411494	Lương Thị Kim Ngân	Nữ	30/8/2003	Đồng Tháp	09h00'			P.507-C1
26	000170	0020410389	Nguyễn Hoàng Thiên Ngân	Nữ	03/02/2001	Đồng Tháp	09h00'			P.507-C1
27	000171	0021411497	Nguyễn Thái Ngân	Nam	17/01/2003	Đồng Tháp	09h10'			P.507-C1
28	000172	0021410484	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	24/6/2003	Đồng Tháp	09h10'			P.507-C1

Tổng số thí sinh: 28

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NÓI (SÁNG) - NGHE, VIẾT, ĐỌC (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm Dãy C1				
								Môn Nói		Nghe 13h00'	Viết 14h00'	Đọc 15h15'
1	000173	0021310095	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	10/6/2003	Đồng Tháp	07h00'	Phòng chờ: 308-C1	P.508-C1		
2	000174	0020410884	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	17/02/2002	Đồng Tháp	07h00'		P.508-C1		
3	000175	0021410490	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	17/9/2003	Vĩnh Long	07h10'		P.508-C1		
4	000176	0021410497	Tạ Thanh	Ngân	Nữ	03/9/2003	Đồng Tháp	07h10'		P.508-C1		
5	000177	0021412746	Trần Kim	Ngân	Nữ	08/3/2003	Đồng Tháp	07h20'		P.508-C1		
6	000178	0020310046	Trần Lý Thanh	Ngân	Nữ	17/7/2002	Đồng Tháp	07h20'		P.508-C1		
7	000179	0020410396	Trần Phương	Ngân	Nữ	11/7/2002	Đồng Tháp	07h30'		P.508-C1		
8	000180	0021412754	Võ Thị Tuyết	Ngân	Nữ	26/8/2003	Long An	07h30'		P.508-C1		
9	000181	0020410549	Tiết Trọng	Nghĩa	Nam	24/12/2002	Đồng Tháp	07h40'		P.508-C1		
10	000182	0020410024	Trần Hữu	Nghĩa	Nam	17/12/2002	Đồng Tháp	07h40'		P.508-C1		
11	000183	0021412772	Hồ Tuấn	Ngọc	Nam	02/7/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.508-C1		
12	000184	0021411546	Trần Kim	Ngọc	Nữ	13/10/2003	Đồng Tháp	07h50'		P.508-C1		
13	000185	0020410099	Võ Thị Huỳnh	Ngọc	Nữ	02/12/2002	Đồng Tháp	08h00'		P.508-C1		
14	000186	0021410544	Nguyễn Ngọc Kim	Nguyên	Nữ	16/11/2002	Đồng Tháp	08h00'		P.508-C1		
15	000187	0018413073	Nguyễn Thành	Nguyên	Nam	30/7/2000	Đồng Tháp	08h10'		P.508-C1		
16	000188	0020410113	Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	22/11/2001	Đồng Tháp	08h10'		P.508-C1		
17	000189	0020410782	Thái Thị Thúy	Nguyên	Nữ	17/9/2002	Đồng Tháp	08h20'		P.508-C1		
18	000190	0021412816	Trương Thảo	Nguyên	Nữ	04/7/2003	Tiền Giang	08h20'		P.508-C1		
19	000191	0021411562	Võ Thị Ngọc	Nguyên	Nữ	02/3/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.508-C1		
20	000192	0021410552	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	Nữ	05/5/2003	Đồng Tháp	08h30'		P.508-C1		
21	000193	0021412826	Lê Thanh	Nhã	Nữ	07/3/2003	Kiên Giang	08h40'		P.508-C1		
22	000194	0021413738	Phan Thanh	Nhã	Nam	15/01/2003	Bến Tre	08h40'		P.508-C1		
23	000195	0021410556	Lê Thanh	Nhân	Nữ	13/01/2003	Đồng Tháp	08h50'		P.508-C1		
24	000196	0020410942	Cao Thành	Nhân	Nam	13/9/2002	Đồng Tháp	08h50'		P.508-C1		
25	000197	0018412425	Trương Minh	Nhật	Nam	10/11/2000	Tiền Giang	09h00'		P.508-C1		
26	000198	0021410573	Đặng Thị Kim	Nhi	Nữ	11/01/2003	Đồng Tháp	09h00'		P.508-C1		
27	000199	0021412855	Đoàn Lâm Yến	Nhi	Nữ	11/11/2003	Tiền Giang	09h10'		P.508-C1		
28	000200	0021412863	Huỳnh Thị Thiên	Nhi	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp	09h10'		P.508-C1		

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000201	0021310033	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	10/6/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000202	0021410582	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	07/11/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'		
3	000203	0020410442	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	21/6/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'		
4	000204	0021410586	Lê Phương	Nhi	Nữ	23/01/2003	Tiền Giang	P.501-C1		12h40'		
5	000205	0020310006	Lê Thị Đức	Nhi	Nữ	30/5/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
6	000206	0020310043	Lê Phạm Mẫn	Nhi	Nữ	24/02/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		12h50'		
7	000207	0020411146	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	07/11/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
8	000208	0021411585	Nguyễn Lê Uyển	Nhi	Nữ	03/9/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
9	000209	0021310035	Nguyễn Thị Linh	Nhi	Nữ	15/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h10'		
10	000210	0021413842	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	02/7/2003	Tiền Giang	P.501-C1		13h10'		
11	000211	0020410575	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	02/6/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
12	000212	0020410560	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	18/10/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
13	000213	0021410600	Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	21/10/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'		
14	000214	0021413742	Trần Thị	Nhi	Nữ	24/4/2003	Long An	P.501-C1		13h30'		
15	000215	0020310048	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	19/7/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
16	000216	0021410614	Nguyễn Thanh	Nhị	Nữ	20/3/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
17	000217	0021412900	Dương Thị	Nhớ	Nữ	29/7/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
18	000218	0020410300	Dương Thanh	Nhơn	Nam	24/02/2001	An Giang	P.501-C1		13h50'		
19	000219	0020411323	Cao Thị Huỳnh	Như	Nữ	07/3/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		14h00'		
20	000220	0021410617	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	Nữ	18/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		14h00'		
21	000221	0020410168	Lê Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	01/10/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
22	000222	0021412911	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	30/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
23	000223	0019410375	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	08/02/2001	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		
24	000224	0020410449	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	28/12/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		

Phòng
tập
trung
chờ thi:
404-C1

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000225	0020410789	Nguyễn Mai Tú Như	Nữ	14/01/2002	Long An				P.502-C1	12h30'
2	000226	0020411045	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	09/3/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	12h30'
3	000227	0021412930	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	12/7/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	12h40'
4	000228	0021410641	Phan Tố Như	Nữ	04/9/2003	Bến Tre				P.502-C1	12h40'
5	000229	0021413886	Võ Huỳnh Như	Nữ	11/10/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	12h50'
6	000230	0021413848	Nguyễn Thị Tín Nhuận	Nữ	07/5/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	12h50'
7	000231	0020410092	Trần Đức Nhuận	Nam	10/6/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	13h00'
8	000232	0021411622	Lại Thị Hồng Nhung	Nữ	23/5/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	13h00'
9	000233	0021412947	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	17/6/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	13h10'
10	000234	0021412948	Ngô Cẩm Nhung	Nữ	16/11/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	13h10'
11	000235	0020411116	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	12/7/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	13h20'
12	000236	0019410551	Đinh Hoàn Nhựt	Nam	13/12/2001	Đồng Tháp				P.502-C1	13h20'
13	000237	0020410235	Nguyễn Văn Nhựt	Nam	08/12/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	13h30'
14	000238	0021413853	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	15/7/2003	Tiền Giang				P.502-C1	13h30'
15	000239	0021413753	Lê Ngọc Phần	Nữ	14/3/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	13h40'
16	000240	0021411642	Nguyễn Tấn Phát	Nam	15/3/2003	Long An				P.502-C1	13h40'
17	000241	0020410078	Nguyễn Lê Hoài Phong	Nam	23/7/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	13h50'
18	000242	0021412993	Nguyễn Tây Phong	Nam	20/11/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	13h50'
19	000243	0019410646	Huỳnh Trọng Phúc	Nam	11/12/2000	Bến Tre				P.502-C1	14h00'
20	000244	0021413011	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	19/01/2003	Đồng Tháp				P.502-C1	14h00'
21	000245	0021411652	Nguyễn Ngô Phúc	Nam	08/01/1998	Đồng Tháp				P.502-C1	14h10'
22	000246	0020410529	Lữ Kim Phụng	Nữ	15/11/2002	Đồng Tháp				P.502-C1	14h10'
23	000247	0021413857	Võ Chân Phương	Nam	11/3/2003	TP HCM				P.502-C1	14h20'
24	000248	0019410157	Huỳnh Thanh Quân	Nam	02/11/2001	Đồng Tháp				P.502-C1	14h20'

Phòng
tập
trung
chờ thi:
404-C1

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000249	0019410687	Đào Duy	Quang	Nam	14/6/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
2	000250	0021413053	Nguyễn Duy	Quang	Nam	07/11/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'		
3	000251	0020411324	Trần Đăng	Quang	Nam	13/01/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		12h40'		
4	000252	0020411211	Bùi Phúc Thu	Quyên	Nữ	20/10/2001	Bến Tre	P.503-C1		12h40'		
5	000253	0021411673	Huỳnh Thị Thúy	Quyên	Nữ	09/9/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
6	000254	0021410723	Huỳnh Thị Trúc	Quyên	Nữ	27/01/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
7	000255	0019410595	Nguyễn Thị Tú	Quyên	Nữ	13/3/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
8	000256	0020410913	Võ Thị Thúy	Quyên	Nữ	19/5/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
9	000257	0021413084	Lê Bình	Quyên	Nữ	06/01/2003	Tiền Giang	P.503-C1		13h10'		
10	000258	0021413094	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	30/10/2003	Vĩnh Long	P.503-C1		13h10'		
11	000259	0021413096	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	03/8/2003	Vĩnh Long	P.503-C1		13h20'		
12	000260	0021411694	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	23/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h20'		
13	000261	0020410898	Hồ Lê Minh	Sang	Nam	23/9/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h30'		
14	000262	0021410752	Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	01/02/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h30'		
15	000263	0021413760	Dương Văn	Son	Nam	10/9/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h40'		
16	000264	0021410756	Huỳnh Ngọc	Son	Nam	25/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h40'		
17	000265	0020411196	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	27/9/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h50'		
18	000266	0020410310	Đoàn Hồng	Tân	Nam	29/9/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h50'		
19	000267	0020410995	Nguyễn Hoàng	Tân	Nam	09/8/2002	Bến Tre	P.503-C1		14h00'		
20	000268	0021410775	Nguyễn Văn	Tân	Nam	20/11/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h00'		
21	000269	0021410776	Trần Thanh Duy	Tân	Nam	10/9/2003	An Giang	P.503-C1		14h10'		
22	000270	0021411714	Võ Minh	Tấn	Nam	25/5/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		
23	000271	0021411720	Trần Quốc	Thái	Nam	23/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		
24	000272	0021411725	Nguyễn Ngọc	Thắm	Nữ	24/5/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000273	0021413862	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	06/01/2003	Vĩnh Long	P.504-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1
2	000274	0021413152	Phạm Thị Hồng Thắm	Nữ	30/8/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			12h30'	
3	000275	0021410789	Phạm Thị Hồng Thắm	Nữ	21/11/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			12h40'	
4	000276	0021410790	Trần Thị Hồng Thắm	Nữ	13/7/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			12h40'	
5	000277	0020411013	Ngô Ngọc Thận	Nữ	29/01/2002	Bạc Liêu	P.504-C1			12h50'	
6	000278	0021413160	Nguyễn Võ Tuyết Thanh	Nữ	11/3/2003	Bến Tre	P.504-C1			12h50'	
7	000279	0020410908	Bảo Thanh Thảo	Nữ	11/8/2002	Hậu Giang	P.504-C1			13h00'	
8	000280	0019410363	Châu Ngọc Thanh Thảo	Nữ	07/8/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			13h00'	
9	000281	0021411740	Hồ Văn Thảo	Nam	12/01/2003	Bến Tre	P.504-C1			13h10'	
10	000282	0021410802	Huỳnh Thị Phương Thảo	Nữ	18/6/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h10'	
11	000283	0021413173	Lê Nguyễn Phương Thảo	Nữ	09/3/2003	Bạc Liêu	P.504-C1			13h20'	
12	000284	0021413767	Lương Thị Thu Thảo	Nữ	02/3/2001	Đồng Tháp	P.504-C1			13h20'	
13	000285	0021413182	Lý Thu Thảo	Nữ	18/5/2003	Sóc Trăng	P.504-C1			13h30'	
14	000286	0021413186	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	16/8/2003	Long An	P.504-C1			13h30'	
15	000287	0021410815	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nữ	25/10/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h40'	
16	000288	0021410819	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	27/7/2003	Đồng Tháp	P.504-C1			13h40'	
17	000289	0021413198	Phạm Thanh Thảo	Nữ	14/02/2003	Vĩnh Long	P.504-C1			13h50'	
18	000290	0021410821	Thị Thu Thảo	Nữ	10/7/2003	Long An	P.504-C1			13h50'	
19	000291	0018410590	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	21/3/2000	Đồng Tháp	P.504-C1			14h00'	
20	000292	0020410143	Võ Thị Phương Thảo	Nữ	20/5/2002	Đồng Tháp	P.504-C1			14h00'	
21	000293	0020410894	Võ Thị Thanh Thảo	Nữ	05/01/2002	Đồng Tháp	P.504-C1			14h10'	
22	000294	0021413206	Lê Hoàng Thi	Nữ	12/11/2003	An Giang	P.504-C1			14h10'	
23	000295	0021411759	Nguyễn Hạ Thi	Nữ	12/01/2002	Long An	P.504-C1			14h20'	
24	000296	0021413211	Phan Thị Hồng Thi	Nữ	13/12/2003	Vĩnh Long	P.504-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000297	0021410835	Phan Võ Kiều Anh	Thi	Nữ	17/9/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
2	000298	0020410618	Nguyễn Đặng Anh	Thiên	Nam	20/4/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		12h30'		
3	000299	0020410786	Lê Công	Thiện	Nam	13/01/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		12h40'		
4	000300	0021411764	Nguyễn Nhựt	Thiện	Nam	02/6/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		12h40'		
5	000301	0021411765	Huỳnh Thái	Thịnh	Nam	06/10/2003	Bến Tre	P.505-C1		12h50'		
6	000302	0021410842	Nguyễn Hưng	Thịnh	Nam	26/6/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		12h50'		
7	000303	0021411768	Phan Phú	Thịnh	Nam	20/12/2001	Kiên Giang	P.505-C1		13h00'		
8	000304	0021413771	Võ Quốc	Thịnh	Nam	12/11/2003	Kiên Giang	P.505-C1		13h00'		
9	000305	0020310060	Đỗ Thị Thi	Thơ	Nữ	29/5/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		13h10'		
10	000306	0020411081	Lê Thị Hoàng	Thơ	Nữ	14/9/2002	An Giang	P.505-C1		13h10'		
11	000307	0020410803	Nguyễn Lạc	Thông	Nữ	16/6/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		13h20'		
12	000308	0021413247	Phan Thị Cẩm	Thu	Nữ	08/3/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h20'		
13	000309	0020410837	Trần Thị Cẩm	Thu	Nữ	08/10/2001	Đồng Tháp	P.505-C1		13h30'		
14	000310	0020410963	Bùi Thị Minh	Thư	Nữ	23/11/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		13h30'		
15	000311	0021411787	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	05/11/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h40'		
16	000312	0021410864	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	20/12/2003	An Giang	P.505-C1		13h40'		
17	000313	0021413264	Lý Anh	Thư	Nữ	23/7/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		13h50'		
18	000314	0020410879	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	24/8/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		13h50'		
19	000315	0021413267	Nguyễn Lê Anh	Thư	Nữ	28/9/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h00'		
20	000316	0020411181	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	07/8/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		14h00'		
21	000317	0020410653	Phạm Thị Thanh	Thư	Nữ	12/5/2002	Đồng Tháp	P.505-C1		14h10'		
22	000318	0021413276	Phan Anh	Thư	Nữ	01/11/2003	Đồng Tháp	P.505-C1		14h10'		
23	000319	0020411184	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	01/8/2002	Bến Tre	P.505-C1		14h20'		
24	000320	0020410683	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	25/3/2001	Đồng Tháp	P.505-C1		14h20'		

Phòng
tập
trung
chờ thi:
408-C1

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000321	0020411252	Hà Minh	Thuận	Nam	13/5/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1	
2	000322	0019410294	Phạm Ngọc	Thuận	Nữ	25/3/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'		
3	000323	0021410892	Võ Minh	Thuận	Nam	19/01/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		12h40'		
4	000324	0020410842	Nguyễn Như	Thuật	Nam	09/7/2002	Bến Tre	P.506-C1		12h40'		
5	000325	0021410893	Phạm Trí	Thức	Nam	14/8/2003	Bình Phước	P.506-C1		12h50'		
6	000326	0021411808	Trần Minh	Thức	Nam	20/9/2000	Đồng Tháp	P.506-C1		12h50'		
7	000327	0021410895	Huỳnh Thị Mộng	Thường	Nữ	14/6/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		13h00'		
8	000328	0021410896	Diệp Thị Phương	Thùy	Nữ	26/9/2002	Vĩnh Long	P.506-C1		13h00'		
9	000329	0020410802	Trần Thị Cẩm	Thúy	Nữ	25/01/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'		
10	000330	0021413305	Huỳnh Thị Như	Thùy	Nữ	07/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'		
11	000331	0021410899	Võ Thị Thanh	Thùy	Nữ	15/11/2003	Tiền Giang	P.506-C1		13h20'		
12	000332	0021413778	Huỳnh Thanh	Ti	Nam	07/10/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'		
13	000333	0021411819	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	Nữ	09/9/2003	Vĩnh Long	P.506-C1		13h30'		
14	000334	0021413323	Huỳnh Thủy	Tiên	Nữ	08/11/2003	Bến Tre	P.506-C1		13h30'		
15	000335	0021410908	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	19/02/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h40'		
16	000336	0020310011	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	30/8/2001	Đồng Tháp	P.506-C1		13h40'		
17	000337	0021410910	Trần Thị Thuỷ	Tiên	Nữ	31/10/2003	Bến Tre	P.506-C1		13h50'		
18	000338	0021411831	Võ Thị Kim	Tiền	Nữ	01/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h50'		
19	000339	0020411036	Nguyễn Trọng	Tính	Nam	25/5/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h00'		
20	000340	0020410902	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	26/02/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h00'		
21	000341	0020411085	Trần Văn	Toàn	Nam	08/3/2002	An Giang	P.506-C1		14h10'		
22	000342	0020410187	Dương Ngọc Bích	Trâm	Nữ	11/4/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h10'		
23	000343	0021410921	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	11/12/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'		
24	000344	0020410236	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	21/3/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000345	0020410346	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	02/02/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 304-C1
2	000346	0020411078	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	27/3/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
3	000347	0021310105	Võ Thị Mỹ Trâm	Nữ	19/3/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
4	000348	0021410925	Đoàn Thị Quế Trâm	Nữ	13/4/2003	Bến Tre	P.507-C1			12h40'	
5	000349	0021411847	Hiếu Nguyễn Huỳnh Trâm	Nữ	21/4/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'	
6	000350	0021411848	Huỳnh Lê Thanh Ngọc Trâm	Nữ	24/01/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'	
7	000351	0021411850	Kiều Bảo Trâm	Nữ	01/10/2003	Cà Mau	P.507-C1			13h00'	
8	000352	0021413405	Nguyễn Ngọc Quế Trâm	Nữ	08/11/2003	Tiền Giang	P.507-C1			13h00'	
9	000353	0021413407	Nguyễn Thị Cẩm Trâm	Nữ	18/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'	
10	000354	0019410671	Nguyễn Thị Huế Trâm	Nữ	14/12/2001	Vĩnh Long	P.507-C1			13h10'	
11	000355	0021413874	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	13/7/2003	Kiên Giang	P.507-C1			13h20'	
12	000356	0021413409	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	19/8/2003	Vĩnh Long	P.507-C1			13h20'	
13	000357	0021310062	Phạm Thị Huyền Trâm	Nữ	11/8/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
14	000358	0021411861	Nguyễn Thanh Trang	Nữ	24/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			13h30'	
15	000359	0020410903	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	18/3/2002	Tiền Giang	P.507-C1			13h40'	
16	000360	0020410591	Mai Nguyễn Phát Triển	Nam	12/11/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			13h40'	
17	000361	0021413455	Đinh Anh Triết	Nữ	19/11/2003	Vĩnh Long	P.507-C1			13h50'	
18	000362	0021413458	Hà Quang Triệu	Nam	23/02/2003	Long An	P.507-C1			13h50'	
19	000363	0021411870	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	22/3/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
20	000364	0021410956	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	12/8/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'	
21	000365	0021413465	Nguyễn Thị Diễm Trinh	Nữ	03/7/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
22	000366	0021310064	Nguyễn Yến Trinh	Nữ	13/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'	
23	000367	0020411027	Phạm Trường Trinh	Nam	22/11/2002	An Giang	P.507-C1			14h20'	
24	000368	0015410596	Phan Thị Cẩm Trinh	Nữ	06/9/1997	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'	
25	000369	0021411882	Trần Ngọc Trinh	Nữ	19/12/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	Chờ thi: 308-C1
26	000370	0020310044	Võ Ngọc Trinh	Nữ	29/12/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'	
27	000371	0021410971	Hà Hữu Trọng	Nam	06/02/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'	
28	000372	0021413784	Lê Trần Thanh Trúc	Nữ	03/8/2003	Long An	P.507-C1			12h40'	

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000373	0021411888	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	24/7/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000374	0021413474	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	14/9/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'		
3	000375	0021411890	Phạm Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	29/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'		
4	000376	0021411893	Đặng Trần Kiến	Trung	Nam	09/6/2003	Vĩnh Long	P.508-C1		13h00'		
5	000377	0021411896	Lê Nguyễn Nhật	Trường	Nam	20/02/2003	Bến Tre	P.508-C1		13h10'		
6	000378	0021411901	Nguyễn Trần Quang	Trường	Nam	20/11/2003	Tiền Giang	P.508-C1		13h10'		
7	000379	0021413786	Phan Quang	Trường	Nam	24/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h20'		
8	000380	0021411903	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	10/11/2003	Vĩnh Long	P.508-C1		13h20'		
9	000381	0021413508	Trần Quốc	Tuấn	Nam	01/01/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h30'		
10	000382	0020411234	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	14/12/2002	Bến Tre	P.508-C1		13h30'		
11	000383	0021410995	Đặng Lê Hồng	Tươi	Nữ	03/01/2002	TP HCM	P.508-C1		13h40'		
12	000384	0021411001	Bùi Thị Kim	Tường	Nữ	05/11/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'		
13	000385	0021411002	Lê Khánh	Tuyên	Nữ	02/9/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
14	000386	0021411004	Lê Thị Thuỷ	Tuyên	Nữ	23/3/2002	Vĩnh Long	P.508-C1		13h50'		
15	000387	0021411008	Đặng Thị Bích	Tuyền	Nữ	18/4/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		14h00'		
16	000388	0019410308	Lê Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	20/12/2001	Tiền Giang	P.508-C1		14h00'		
17	000389	0020410681	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	11/10/2002	Đồng Tháp	P.508-C1		14h10'		
18	000390	0021411921	Trần Thanh	Tuyền	Nữ	21/10/2003	Long An	P.508-C1		14h10'		
19	000391	0021413537	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	24/6/2003	Vĩnh Long	P.508-C1		14h20'		
20	000392	0021413538	Võ Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	24/8/2003	Long An	P.508-C1		14h20'		
21	000393	0021411927	Trần Thị Thu	Uyên	Nữ	06/6/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		14h30'		
22	000394	0020410686	Võ Thị Tú	Uyên	Nữ	13/3/2002	Long An	P.508-C1		14h30'		
23	000395	0021413546	Huỳnh Khánh	Vân	Nữ	30/11/2003	Bạc Liêu	P.508-C1		12h30'		
24	000396	0021413548	Nguyễn Hoàng	Vân	Nữ	04/3/2003	Tiền Giang	P.508-C1		12h30'		
25	000397	0021413891	Lương Thiên	Vạn	Nam	05/9/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
26	000398	0021413554	Lê Thị Tường	Vi	Nữ	09/9/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
27	000399	0021411942	Lê Huỳnh Quốc	Vinh	Nam	26/8/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'		
28	000400	0021411041	Nguyễn Hữu	Vĩnh	Nam	28/9/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'		

Tổng số thí sinh: 28



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000401	0021413588	Huỳnh Thị Thúy Vy	Nữ	27/9/2003	Bến Tre	P.401-C1			13h00'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000402	0021411054	Nguyễn Lê Tường Vy	Nữ	16/11/2003	Tiền Giang	P.401-C1			13h00'	
3	000403	0021413594	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	15/7/2003	Kiên Giang	P.401-C1			13h10'	
4	000404	0021413599	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	14/10/2003	Tiền Giang	P.401-C1			13h10'	
5	000405	0021413608	Trần Phạm Thảo Vy	Nữ	18/7/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			13h20'	
6	000406	0021413609	Võ Thị Thúy Vy	Nữ	23/8/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			13h20'	
7	000407	0018412225	Mai Thị Diễm Xưa	Nữ	20/01/2000	Đồng Tháp	P.401-C1			13h30'	
8	000408	0018314013	Huỳnh Thị Mỹ Xuân	Nữ	21/4/2000	Đồng Tháp	P.401-C1			13h30'	
9	000409	0021413793	Nguyễn Minh Xuân	Nữ	07/4/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			13h40'	
10	000410	0017410821	Lê Minh Xuyên	Nam	04/10/1995	Kiên Giang	P.401-C1			13h40'	
11	000411	0021411970	Lê Thị Xuyên	Nữ	07/5/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			13h50'	
12	000412	0021411070	Đặng Thị Như Ý	Nữ	11/9/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			13h50'	
13	000413	0018412233	Nguyễn Huỳnh Như Ý	Nữ	16/10/2000	Đồng Tháp	P.401-C1			14h00'	
14	000414	0021411977	Nguyễn Như Ý	Nữ	21/7/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			14h00'	
15	000415	0021413638	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	29/6/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			14h10'	
16	000416	0021411084	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	23/10/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			14h10'	
17	000417	0021411078	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	15/4/2001	Đồng Tháp	P.401-C1			14h20'	
18	000418	0021413644	Thái Thị Như Ý	Nữ	05/10/2003	Cà Mau	P.401-C1			14h20'	
19	000419	0021413646	Trương Thị Như Ý	Nữ	25/5/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			14h30'	
20	000420	0021413651	Nguyễn Ngọc Như Yên	Nữ	14/12/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			14h30'	
21	000421	0021413655	Hồ Thị Ngọc Yến	Nữ	30/7/2003	Tiền Giang	P.401-C1			12h30'	
22	000422	0020411314	Lâm Thị Hồng Yến	Nữ	04/6/2002	Đồng Tháp	P.401-C1			12h30'	
23	000423	0021411983	Lê Huỳnh Yến	Nữ	29/7/2003	Cà Mau	P.401-C1			12h40'	
24	000424	0021413687	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12/6/2003	Đồng Tháp	P.401-C1			12h40'	

Tổng số thí sinh: 24

Khoá 69, ngày 27/8/2022



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000425	0021413663	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	29/8/2003	Vĩnh Long	P.402-C1			12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000426	0021411986	Phạm Thị Ngọc Yến	Nữ	14/4/2003	Đồng Tháp	P.402-C1			12h50'	
3	000427	0020410116	Hà Thị Vân Bình	Nữ	30/5/2002	Đồng Tháp	BL	402	BL	13h00'	
4	000428	0021412114	Trần Hồng Cẩm	Nữ	20/12/2002	Bạc Liêu	BL	BL	402	13h00'	
5	000429	0020410347	Nguyễn Thị Bảo Châu	Nữ	22/02/2002	Đồng Tháp	BL	402	BL	13h10'	
6	000430	0020410373	Đoàn Vĩnh Cơ	Nam	11/10/2002	Tiền Giang	BL	402	402	13h10'	
7	000431	0021410119	Lê Khánh Dư	Nam	16/4/2003	Đồng Tháp	BL	402	402	BL	
8	000432	0020410622	Nguyễn Hữu Đức	Nam	07/8/2002	Nghệ An	BL	402	BL	13h20'	
9	000433	0021412323	Dương Ngọc Hân	Nữ	17/9/2003	Bạc Liêu	BL	BL	BL	13h20'	
10	000434	0020410625	Huỳnh Thị Kiều Hạnh	Nữ	19/9/2002	Long An	BL	402	BL	13h30'	
11	000435	0020410081	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	20/10/2002	Đồng Tháp	402	BL	BL	13h30'	
12	000436	0021413677	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	25/11/2001	Đồng Tháp	BL	BL	BL	13h40'	
13	000437	0020410340	Nguyễn Vĩnh Kha	Nam	27/8/2002	Đồng Tháp	402	BL	BL	13h40'	
14	000438	0018410687	Nguyễn Duy Khánh	Nam	04/4/2000	Đồng Tháp	402	402	BL	13h50'	
15	000439	0020410097	Hồ Trương Phương Lan	Nữ	29/8/2002	Đồng Tháp	BL	402	BL	BL	
16	000440	0021412719	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	31/01/2003	Đồng Tháp	BL	402	BL	BL	
17	000441	0020410014	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	14/01/2002	Đồng Tháp	BL	402	BL	13h50'	
18	000442	0020410950	Đỗ Mai Tuyết Nhung	Nữ	24/7/2002	Đồng Tháp	402	BL	402	BL	
19	000443	0019410104	Nguyễn Hải Sơn	Nam	25/8/2001	Đồng Tháp	BL	402	BL	14h00'	
20	000444	0021413763	Nguyễn Văn Thanh Tâm	Nam	13/9/2003	Đồng Tháp	BL	402	BL	14h00'	
21	000445	0020410979	Phan Đoàn Uyên Thảo	Nữ	01/5/2002	Bến Tre	BL	402	402	BL	
22	000446	0021413259	Lê Minh Thư	Nữ	30/10/2003	Bến Tre	BL	402	BL	BL	
23	000447	0019410268	Lê Văn Tú	Nam	19/8/2001	An Giang	BL	402	BL	14h10'	
24	000448	0021413512	Nguyễn Hồng Tươi	Nữ	18/7/2002	Vĩnh Long	BL	402	BL	14h10'	
25	000449	0021410998	Nguyễn Thị Hồng Tươi	Nữ	30/01/2003	Đồng Tháp	BL	402	BL	14h20'	
26	000450	0020410162	Lâm Gia Tường	Nam	22/3/2002	Trà Vinh	BL	402	BL	14h20'	
27	000451	0020410731	Lê Hồ Vũ	Nam	10/9/2001	Đồng Tháp	BL	402	BL	14h30'	
28	000452	0021411062	Huỳnh Thu Xuân	Nữ	01/6/2003	Đồng Tháp	BL	402	BL	14h30'	

Tổng số thí sinh: 28

6 22 7 2